

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa theo Giấy phép khai thác nước mặt số 104/GP-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác nước mặt số 104/GP-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1347/TTr-SNNMT ngày 04/11/2025 (kèm theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 29/9/2025 của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa theo Giấy phép khai thác nước mặt số 104/GP-UBND ngày 05/08/2025 của UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa.
 - Địa chỉ: Số 99, đường Mật Sơn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.
 - Mã số thuế: 2800219549.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Khai thác nước mặt phục vụ cho hoạt động của Nhà máy nước Nguyên Bình - Chi nhánh cấp nước Nghi Sơn tại kênh Nam hồ Yên Mỹ và sông Cầu Hung.

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ cho hoạt động của Nhà máy nước Nguyên Bình - Chi nhánh cấp nước Nghi Sơn để xử lý và cung cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân, các cơ quan, cơ sở y tế, giáo dục và

các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn các phường: Đào Duy Từ, Tĩnh Gia, Trúc Lâm và các khu tái định cư Hải Yến, Hải Bình.

Lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền:

a) Đối với mục đích cấp nước cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

$$W_1 = 1.700 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 2.320 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 3.944.000 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 28/3/2024 (ngày hết hiệu lực Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 110/GP-UBND ngày 28/03/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh) đến hết ngày 04/8/2030 (ngày hết hiệu lực Giấy phép khai thác nước mặt số 104/GP-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh) là: 2.320 ngày; chế độ khai thác trong năm là 365/365 ngày.

b) Đối với mục đích cấp nước cho sinh hoạt cho Nhân dân và các cơ quan, cơ sở y tế, giáo dục:

$$W_2 = 5.300 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 1.860 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 9.858.000 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01/7/2025 (ngày hết hiệu lực Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 110/GP-UBND ngày 28/03/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh) đến hết ngày 04/8/2030 (ngày hết hiệu lực Giấy phép khai thác nước mặt số 104/GP-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh) là: 1.860 ngày; chế độ khai thác trong năm là 365/365 ngày.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

$G = 2.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước mặt dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch).

5. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$.

6. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $M_1 = 2\%$ (đối với khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ).

- $M_2 = 0,1\%$ (đối với khai thác nước dùng cho sinh hoạt).

$M = 1,5\%$ (đối với khai thác nước dùng cho sản xuất).

7. Số tiền phải nộp 01 ngày:

a) Thời gian từ ngày 28/3/2024 đến hết ngày 30/6/2025:

$$T_{01 \text{ ngày}} = W_{01 \text{ ngày}} \times G \times K \times M = 1.700 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 2\% = 108.800 \text{ đồng/ngày}.$$

b) Thời gian từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 04/8/2025:

$$T_{01 \text{ ngày}} = W_{01 \text{ ngày}} \times G \times K \times M = 1.700 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 2\% + 5.300 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 0,1\% = 125.760 \text{ đồng/ngày}.$$

8. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: 2.320 ngày (tính từ ngày 28/3/2024 đến hết ngày 04/8/2030; chế độ khai thác trong năm: 365/365 ngày).

9. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$T = (W_1 \times G \times K \times M_1) + (W_2 \times G \times K \times M_2) = (3.944.000 \text{ m}^3 \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 2\%) + (9.858.000 \text{ m}^3 \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 0,1\%) = 283.961.600 \text{ đồng}$ (Hai trăm tám mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm đồng).

Trong đó, phân chia số tiền phải nộp hằng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2025 (từ ngày 28/3/2024 đến hết ngày 31/12/2025): 73.189.600 đồng;
- Số tiền phải nộp các năm tiếp theo (2026 - 2029): 45.902.000 đồng/năm;
- Số tiền phải nộp năm 2030 (từ ngày 01/01/2030 tính đến hết ngày 04/08/2030): 27.164.000 đồng.

10. Phương án nộp tiền: Nộp 01 lần/năm.

11. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Thuế tỉnh Thanh Hóa.

12. Trường hợp có vướng mắc, Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa liên hệ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.
- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) đối với Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

2. Thuế tỉnh Thanh Hóa:

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.
- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Thuế tỉnh Thanh Hóa; trường hợp chưa

nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Thuế tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước theo đúng nội dung được cấp phép; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh việc tăng, giảm số lần nộp, số tiền phải nộp cho mỗi lần nộp thì phải có văn bản gửi Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

4. UBND phường Đào Duy Từ thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND phường Đào Duy Từ; Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT_{CVN84856}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm